

(Phần công bố cho sinh viên)

### I. Thông tin chung

Học phần: Kế toán Công	Số tín chỉ: 3TC
Mã học phần: 71ACCT40253	Mã nhóm lớp học phần: 71ACCT40253_01,02
Thời gian làm bài: <b>75 phút</b>	Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận
SV được tham khảo tài liệu: <b>GIẤY</b>	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

### II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>CLO1</b>	Vận dụng những kiến thức cơ bản về cơ chế quản lý tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước, các khái niệm của đối tượng kế toán hành chính sự nghiệp, nguyên tắc kế toán cơ bản, các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin phát sinh trong hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị hành chính sự nghiệp để xác định được sự biến động của các đối tượng kế toán trong đơn vị HCSN.	Trắc nghiệm	30%	Câu 1 Câu 3 Câu 5 Câu 6 Câu 7 Câu 8	0,5 0,5 0,5 0,5 0,5 0,5	PLO2/ PI2.1
<b>CLO2</b>	Hạch toán nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị hành chính sự nghiệp liên quan đến các khoản mục như: tiền, vật tư, tài sản cố định, xây dựng cơ bản, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu, phải trả, kinh phí, nguồn vốn, các quỹ, các khoản thu, chi ngân sách đúng theo quy định của văn bản pháp luật	Tự luận	50%	1 bài	5,0	PLO8/ PI8.1
<b>CLO3</b>	Vận dụng tư duy phân biện để phân tích các nghiệp vụ liên quan đến: tiền, vật tư, tài sản cố định, xây dựng cơ bản, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu, phải trả, kinh phí, nguồn vốn, các quỹ, các khoản thu, chi ngân sách; Đạt được kỹ năng lập BCTC đơn vị HCSN; lập báo cáo quyết toán ngân sách.	Trắc nghiệm	20%	Câu 2 Câu 4 Câu 9 Câu 10	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO4/ PI4.1

(Phần công bố cho sinh viên)

**I. Thông tin chung**

Học phần: Kế toán Công	Số tín chỉ: 3TC
Mã học phần: 71ACCT40253	Mã nhóm lớp học phần: 71ACCT40253_01,02
Thời gian làm bài: <b>75 phút</b>	Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận
SV được tham khảo tài liệu: <b>GIẤY</b>	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

**II. Nội dung câu hỏi thi**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm)** bao gồm 10 câu, mỗi câu 0.5 điểm

**Câu 1 (random 1 trong 2)**

**Câu 1a-CLO1[lần 1]**

Nhà tài trợ nước ngoài chuyển tiền vào tài khoản tiền gửi ngân hàng của đơn vị 100.000.000đ, đã có chứng từ ghi thu – ghi tạm ứng ngân sách. Chứng từ phát sinh của nghiệp vụ này gồm:

<b>A.</b> Giấy xác nhận viện trợ, chứng từ ghi thu – ghi tạm ứng ngân sách, giấy báo có	<b>B.</b> Giấy xác nhận viện trợ, chứng từ ghi thu – ghi tạm ứng ngân sách, giấy báo có, giấy rút dự toán
<b>C.</b> Giấy xác nhận viện trợ, chứng từ ghi thu – ghi tạm ứng ngân sách, giấy báo Nợ	<b>D.</b> Giấy xác nhận viện trợ, chứng từ ghi thu – ghi chi ngân sách, giấy báo có

**ANSWER: A**

**Câu 1b-CLO1[lần 1]**

Xuất quỹ tiền mặt tạm ứng cho cán bộ phòng tổ chức đi công tác. Cán bộ phòng tổ chức đi công tác về thanh toán các hoá đơn đi lại, ăn, ở bằng tiền tạm ứng. Chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ này gồm:

<b>A.</b> Giấy đề nghị tạm ứng, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, hoá đơn đi lại, ăn, ở.	<b>B.</b> Phiếu chi, hoá đơn đi lại, ăn, ở.
<b>C.</b> Giấy đề nghị tạm ứng, phiếu chi, hoá đơn đi lại, ăn, ở.	<b>D.</b> Giấy đề nghị tạm ứng, phiếu chi

**ANSWER: A**

**Câu 2 (random 1 trong 2)**

**Câu 2a-CLO3[lần 1]:**

Ngày 10/4/N, đơn vị sự nghiệp công chuyển khoản mua 1.200 trái phiếu có mệnh giá 200.000đ/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 10% năm, thanh toán nhận lãi một lần vào ngày đáo hạn. Kế toán ghi

<b>A.</b> Nợ TK 121            240.000.000 Có TK 112            240.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 121            254.000.000 Có TK 112            240.000.000 Có TK 515            14.000.000
--	---

<b>C.</b> Nợ TK 121	254.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 121	254.000.000
Có TK 112	240.000.000	Có TK 112	240.000.000
Có TK 3378	14.000.000	Có TK 3383	14.000.000

**ANSWER: A**

**Câu 2b-CLO3[lần 1]**

Ngày 10/4/N, đơn vị sự nghiệp công chuyển khoản mua 1.200 trái phiếu có mệnh giá 400.000đ/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 10% năm, thanh toán nhận lãi một lần vào ngày đáo hạn. Kế toán ghi

<b>A.</b> Nợ TK 121	480.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 121	624.000.000
Có TK 112	480.000.000	Có TK 112	480.000.000
		Có TK 515	144.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 121	480.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 121	480.000.000
Có TK 112	336.000.000	Có TK 112	336.000.000
Có TK 3378	144.000.000	Có TK 33783	144.000.000

**ANSWER: A**

**Câu 3 (random 1 trong 2)**

**Câu 3a-CLO1[lần 1]**

Đơn vị mang “Giấy rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi” đến Kho bạc Nhà nước giao dịch để rút tiền từ nguồn được cấp bằng lệnh chi tiền, nội dung chuẩn bị tổ chức hội nghị 50.000.000đ, kế toán ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 111	50.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 111	50.000.000
Có TK 112	50.000.000	Có TK 112	50.000.000
		Đồng thời ghi:	
		Có TK 013:	50.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 111	50.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 111	50.000.000
Có TK 112	50.000.000	Có TK 112	50.000.000
Đồng thời ghi:		Đồng thời ghi:	
Có TK 012:	50.000.000	Có TK 008:	50.000.000

**ANSWER: A**

**Câu 3b-CLO1[lần 1]**

Đơn vị mang “Giấy rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi” đến Kho bạc Nhà nước giao dịch để rút tiền từ nguồn được cấp bằng lệnh chi tiền, nội dung chuẩn bị tổ chức hội nghị 60.000.000đ, kế toán ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 111	60.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 111	60.000.000
Có TK 112	60.000.000	Có TK 3371	60.000.000
		Đồng thời ghi:	
		Nợ TK 013	60.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 111	60.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 111	60.000.000
Có TK 112	60.000.000	Có TK 3371	60.000.000
Đồng thời ghi:		Đồng thời ghi:	
Có TK 012	60.000.000	Nợ TK 012	60.000.000

**ANSWER: A**

**Câu 4 (random 1 trong 2)**

**Câu 4a-CLO3 [lần 1]**

Trong năm có tình hình dự toán chi hoạt động gồm (đơn vị tính 1.000.000 đồng): Nhận dự toán đầu năm 1.000; Được bổ sung dự toán trong năm 200; Rút toàn bộ dự toán chi hoạt động. Cuối năm, kế toán kết chuyển số dự toán của năm nay về năm trước chờ quyết toán, kế toán ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 0082           (1.200) Đồng thời ghi: Nợ TK 0081           1.200 Đồng thời ghi: Có TK 0082           (1.200) Đồng thời ghi: Có TK 0081           1.200	<b>B.</b> Nợ TK 0082           (1.200) Đồng thời ghi: Nợ TK 0082           1.200
<b>C.</b> Có TK 0082           (1.200) Đồng thời ghi: Có TK 0081           1.200	<b>D.</b> Có TK 0082           1.200 Đồng thời ghi: Nợ TK 0081           1.200

**ANSWER: A****Câu 4b-CLO3 [lần 1]**

Trong năm có tình hình dự toán chi hoạt động gồm (đơn vị tính 1.000.000 đồng): Nhận dự toán đầu năm 1.200; Được bổ sung dự toán trong năm 200; Rút toàn bộ dự toán chi hoạt động. Cuối năm, kế toán kết chuyển số dự toán của năm nay về năm trước chờ quyết toán, kế toán ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 0082           (1.400) Đồng thời ghi: Nợ TK 0081           1.400 Đồng thời ghi: Có TK 0082           (1.400) Đồng thời ghi: Có TK 0081           1.400	<b>B.</b> Nợ TK 0082           (1.400) Đồng thời ghi: Nợ TK 0082           1.400
<b>C.</b> Có TK 0082           (1.400) Đồng thời ghi: Có TK 0081           1.400	<b>D.</b> Có TK 0082           1.400 Đồng thời ghi: Nợ TK 0081           1.400

**ANSWER: A****Câu 5 (random 1 trong 2)****Câu 5a-CLO1[lần 1]**

Đơn vị lập UNC thực hiện chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi ngân hàng từ nguồn vay nợ nước ngoài mua vật tư nhập kho giá mua chưa thuế 230.000.000đ, thuế GTGT 10%. Kế toán ghi: Nợ TK 152: 253.000.000 /Có TK 112: 253.000.000, đồng thời ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 3372           253.000.000 Có TK 3662           253.000.000	<b>B.</b> Có TK 006           253.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 006           253.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 3372           253.000.000 Có TK 3662           253.000.000 Đồng thời ghi:

Nợ TK 006	253.000.000
-----------	-------------

**ANSWER: A**

**Câu 5b-CLO1[lần 1]**

Đơn vị lập UNC thực hiện chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi ngân hàng từ nguồn vay nợ nước ngoài mua vật tư nhập kho giá mua chưa thuế 240.000.000đ, thuế GTGT 10%. Kế toán ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 152           264.000.000 Có TK 112           264.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 3372   264.000.000 Có TK 3662           264.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 152           264.000.000 Có TK 112           264.000.000 Đồng thời ghi: Có TK 006    264.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 152           264.000.000 Có TK 112           264.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 006    264.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 152           264.000.000 Có TK 112           264.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 3372   264.000.000 Có TK 3662           264.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 006    264.000.000

**ANSWER: A**

**Câu 6 (random 1 trong 2)**

**Câu 6a-CLO1[lần 1]**

Đơn vị sự nghiệp công A có quyết định đấu thầu thanh lý một chiếc xe KIA 4 chỗ, nguyên giá 500.000.000đ, hao mòn lũy kế là 160.000.000đ, giá trị thu hồi từ việc thanh lý là 400.000.000 thu bằng tiền gửi ngân hàng. Biết chênh lệch thu chi từ thanh được để lại đơn vị. Kế toán ghi khoản thu thanh lý:

<b>A.</b> Nợ TK 112           400.000.000 Có TK 7118           400.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 112           400.000.000 Có TK 7118           60.000.000 Có TK 3378           340.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 112           400.000.000 Có TK 3378           400.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 112           400.000.000 Có TK 7118           60.000.000 Có TK 3338           340.000.000

**ANSWER: A**

**Câu 6b-CLO1[lần 1]**

Đơn vị sự nghiệp công A có quyết định đấu thầu thanh lý một chiếc xe KIA 4 chỗ, nguyên giá 500.000.000đ, hao mòn lũy kế là 150.000.000đ, giá trị thu hồi từ việc thanh lý là 410.000.000 thu bằng tiền gửi ngân hàng. Biết chênh lệch thu chi từ thanh được để lại đơn vị. Kế toán ghi khoản thu thanh lý:

<b>A.</b> Nợ TK 112           410.000.000 Có TK 7118           410.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 112           410.000.000 Có TK 7118           60.000.000 Có TK 3378           350.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 112           410.000.000 Có TK 3378           410.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 112           410.000.000 Có TK 7118           60.000.000

	Có TK 3338	350.000.000
--	------------	-------------

ANSWER: A

**Câu 7 (random 1 trong 2)**

**Câu 7a-CLO1[lần 1]**

Đơn vị sự nghiệp công lập mua công cụ dụng nhập kho phục vụ hoạt động sự nghiệp, giá mua 6.500.000đ chưa gồm 10% thuế GTGT. Chi phí vận chuyển công cụ về kho là 220.000đ đã gồm 10% thuế GTGT. Tất cả chưa thanh toán. Căn cứ vào phiếu nhập kho kế toán ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 153      7.150.000 Có TK 331      7.150.000	<b>B.</b> Nợ TK 153      6.700.000 Nợ TK 133      670.000 Có TK 331      7.370.000
<b>C.</b> Nợ TK 153      7.370.000 Có TK 331      7.370.000	<b>D.</b> Nợ TK 153      7.150.000 Nợ TK 611      220.000 Có TK 331      7.370.000

ANSWER: A

**Câu 7b-CLO1[lần 1]**

Đơn vị sự nghiệp công lập mua công cụ dụng nhập kho phục vụ hoạt động sự nghiệp, giá mua 6.000.000đ chưa gồm 10% thuế GTGT. Chi phí vận chuyển công cụ về kho là 330.000đ đã gồm 10% thuế GTGT. Tất cả chưa thanh toán. Căn cứ vào phiếu nhập kho kế toán ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 153      6.600.000 Có TK 331      6.600.000	<b>B.</b> Nợ TK 153      6.300.000 Nợ TK 133      630.000 Có TK 331      6.930.000
<b>C.</b> Nợ TK 153      6.930.000 Có TK 331      6.930.000	<b>D.</b> Nợ TK 153      6.600.000 Nợ TK 611      330.000 Có TK 331      6.930.000

ANSWER: A

**Câu 8 (random 1 trong 2)**

**Câu 8a-CLO5[lần 1]**

Rút dự toán tạm ứng thanh toán tiền cho nhà thầu xây dựng thư viện số tiền là 500.000.000 giai đoạn một. Kế toán ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 2412      500.000.000 Có TK 3664      500.000.000 Đồng thời ghi: Có 009: 500.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 2412      500.000.000 Có TK 3664      500.000.000 Đồng thời ghi: Có 008: 500.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 211      500.000.000 Có TK 3664      500.000.000 Đồng thời ghi: Có 009: 500.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 211      500.000.000 Có TK 3664      500.000.000 Đồng thời ghi: Có 008: 500.000.000

ANSWER: A

**Câu 8b-CLO5[lần 1]**

Rút dự toán tạm ứng thanh toán tiền cho nhà thầu xây dựng nhà xe nhân viên số tiền là 400.000.000 giai đoạn một. Kế toán ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 2412      400.000.000 Có TK 3664      400.000.000 Đồng thời ghi: Có 009: 400.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 2412      400.000.000 Có TK 3664      400.000.000 Đồng thời ghi: Có 008: 400.000.000
--	--

C. Nợ TK 211      400.000.000 Có TK 3664      400.000.000 Đồng thời ghi: Có 009: 400.000.000	D. Nợ TK 211      400.000.000 Có TK 3664      400.000.000 Đồng thời ghi: Có 008: 400.000.000
--	--

**ANSWER: A**

**Câu 9 (random 1 trong 2)**

**Câu 9a-CLO3[lần 1]**

Ngày 30/5N, bệnh viện X và bệnh viện C cùng góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trong hợp đồng hợp tác kinh doanh có thoả thuận chia doanh thu (50%-50%) và chi phí (50%-50%), bệnh viện C làm kế toán cho hoạt động hợp tác. Chi phí kế toán tính cho hoạt động liên kết trong kỳ là 400.000.000đ, kế toán bệnh viện X ghi nhận phân bổ chi phí hoạt động liên kết phần đơn vị X chịu:

A. Nợ TK 154      200.000.000 Có TK 3388      200.000.000	B. Nợ TK 642      200.000.000 Có TK 3388      200.000.000
C. Nợ TK 154      200.000.000 Có TK 121        200.000.000	D. Nợ TK 642      200.000.000 Có TK 121        200.000.000

**ANSWER: A**

**Câu 9b-CLO3[lần 1]**

Ngày 30/5N, bệnh viện X và bệnh viện C cùng góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trong hợp đồng hợp tác kinh doanh có thoả thuận chia doanh thu (50%-50%) và chi phí (50%-50%), bệnh viện C làm kế toán cho hoạt động hợp tác. Doanh thu của hoạt động liên kết trong kỳ phát sinh là 600.000.000đ chưa gồm 10% thuế GTGT, kế toán bệnh viện X ghi nhận phân bổ doanh thu hoạt động liên kết:

A. Nợ TK 1388      330.000.000 Có TK 531        300.000.000 Có TK 3331        30.000.000	B. Nợ TK 1388      300.000.000 Có TK 531        300.000.000
C. Nợ TK 121      300.000.000 Có TK 531        300.000.000	D. Nợ TK 1388      330.000.000 Có TK 531        330.000.000

**ANSWER: A**

**Câu 10 (random 1 trong 2)**

**Câu 10a-CLO3[lần 1]**

Ngày 01/10/N, đơn vị sự nghiệp công Y nhận kết luận của kiểm toán nhà nước thu hồi khoản đã chi nguồn vay nợ nước ngoài và yêu cầu nộp trả lại ngân sách nhà nước (NSNN), số tiền 10.000.000đ. Trong cùng ngày, đơn vị đã thu hồi tiền mặt và làm thủ tục nộp số tiền này vào NSNN. Căn cứ kết luận nhà nước, kế toán của đơn vị Y ghi:

A. Nợ TK 1388      10.000.000 Có TK 6122      10.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 512      10.000.000 Có TK 3338      10.000.000	B. Nợ TK 1388      10.000.000 Có TK 6122      10.000.000
C. Nợ TK 512      10.000.000 Có TK 3338      10.000.000	D. Nợ TK 1388      10.000.000 Có TK 6122      10.000.000

Đồng thời ghi:

Có 006: 10.000.000

**ANSWER: A**

**Câu 10 (random 1 trong 2)**

**Câu 10b-CLO3[lần 1]**

Ngày 01/10/N, đơn vị sự nghiệp công Y nhận kết luận của kiểm toán nhà nước thu hồi khoản đã chi nguồn vay nợ nước ngoài và yêu cầu nộp trả lại ngân sách nhà nước (NSNN), số tiền 10.000.000đ. Trong cùng ngày, đơn vị đã thu hồi tiền mặt và làm thủ tục nộp số tiền này vào NSNN. Căn cứ giấy nộp trả NSNN, kế toán của đơn vị Y ghi:

<b>A.</b> Nợ TK 3338      10.000.000 Có TK 111            10.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 512      10.000.000 Có TK 3338            10.000.000	<b>B.</b> Nợ TK 1388      10.000.000 Có TK 6122            10.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 512      10.000.000 Có TK 3338            10.000.000
<b>C.</b> Nợ TK 3338      10.000.000 Có TK 111            10.000.000 Đồng thời ghi: Nợ 006: 10.000.000	<b>D.</b> Nợ TK 1388      10.000.000 Có TK 6122            10.000.000 Đồng thời ghi: Có 006: 10.000.000

**ANSWER: A**

**PHẦN TỰ LUẬN (5.0 điểm)**

Trích dữ liệu kế toán tại một đơn vị dự toán ngân sách, trường tiểu học công lập A như sau:

- **Chính sách kế toán áp dụng:**

- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn;
- kê khai thuế GTGT theo phương trực tiếp;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;

- **Số dư ngày 01/12/N của một số tài khoản như sau:**

- TK 00821: 2.500.000.000đ
- TK 2113: 10.000.000đ (thời gian sử dụng ước tính 5 năm)
- TK 2141: 2.000.000đ
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

- **Trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12/N**

**1a.** Ngày 01, rút dự toán chi hoạt động mua nhập kho vật liệu là phần viết bảng giá chưa thuế là 2.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%. Chi phí vận chuyển hàng mua về kho đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT là 55.000đ chưa thanh toán.

**2a.** Ngày 03, mua 1 bộ bàn ghế có đơn giá mỗi bộ là 1.200.000đ chưa gồm 10% thuế GTGT thanh toán bằng chuyển khoản về đưa vào phòng hành chính sử dụng. Biết tiền có nguồn từ rút dự toán.

**3a.** Ngày 10, thu tiền cho thuê căn tin là 15.000.000đ bằng tiền mặt và tiền học phí học kỳ 2 là 300.000.000đ bằng chuyển khoản.

**4a.** Ngày 25, rút dự toán tạm ứng chuyển tiền ứng trước cho nhà thầu xây bếp ăn cho học sinh (dự toán này thuộc ngân sách năm sau) số tiền là 60.000.000đ.

**5a.** Ngày 31, cuối năm, đơn vị kết chuyển nguồn cải cách tiền lương đã tính trong năm trước khi phân phối thặng dư theo quy định của quy chế tài chính là 120.000.000đ.



6a. Trích khấu hao tài sản cố định phục vụ hoạt động thường xuyên.

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>5.0</b>	
Câu 1	A	0.5	
Câu 2	A	0.5	
Câu 3	A	0.5	
Câu 4	A	0.5	
Câu 5	A	0.5	
Câu 6	A	0.5	
Câu 7	A	0.5	
Câu 8	A	0.5	
Câu 9	A	0,5	
Câu 10	A	0,5	
<b>II. Tự luận</b>		<b>5.0</b>	
1.a.1	Nợ 152      2.200.000 Có 3661      2.200.000	0.5	
	Có 0082      2.200.000	0.25	
	Nợ TK 152    55.000 Có TK 331                      55.000	0.5	
1.a.2	Nợ TK 611      1.320.000 Có TK 1121                      1.320.000	0.5	
	Nợ TK 3371      1.320.000 Có TK 511                      1.320.000	0.5	
1.a.3	Nợ 111: 15.000.000 Nợ 112: 300.000.000 Có 531: 315.000.000	0,5	
1.a.4	Nợ 331: 60.000.000	0.5	

	Có 3371: 60.000.000		
	Đồng thời ghi Có 00931: 60.000.000	0.25	
1.a.5	Nợ 421      120.000.000 Có 468      120.000.000	0.5	
1.a.6.	Nợ 611      2.000.000 Có 214      2.000.000 [10.000.000 * 1/5]	0.5	
	Nợ 3661    2.000.000 Có 511      2.000.000	0.5	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 Tháng 07 năm 2024

**Người duyệt đề**



**ThS. Phan Minh Nguyệt**

**Giảng viên ra đề**



**Lê Ngọc Anh**